

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	TỔNG CỘNG						400 094	120 601	283 251			
I	CẢNG CHÍNH						50 427	21 509	28 918			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						7 830	7 445	385			
1	NHÔM ĐẮK NÔNG	19/4	1062/4	30/4	HOÀNG GIA 45 (VN-2906-VT)	CỤC 4A.2	1 375	1 282	94	20/4	BAUXIT	
2	NHÔM ĐẮK NÔNG	19/4	1062/4	30/4	HOÀNG GIA 45 (VN-2906-VT)	CÁM 5A.1	1 705	1 633	72	20/4	BAUXIT	
3	KDT MIỀN BẮC	15/4	1032/4	25/4	NB 8700	CÁM 5A.1	2 350	2 241	109	20/4	PTCB	
4	VTT	19/4	1063/4	26/4	HP 6400	CỤC XỔ 1C	1 000	909	91	20/4	TD	THAY 998-B/4
5	CẦU ĐUÔNG	20/4	1068/4	27/4	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400	1 380	20	20/4	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						29 400	14 065	15 335			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	13/4	251/4		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 650	13 843	6 807	RÓT DỖ	HỘ LỚN	THAY 247/4
2	KDT MIỀN BẮC	15/4	1031/4	25/4	NĐ 4349	CÁM 5A.1	2 350		2 350		PTCB	
3	CROMIT	18/4	1052/4	30/4	HUY HOÀNG 222	CÁM 5A.1	5 300		5 300		PTCB	
4	V TRACO	15/4	1033/4	22/4	BN 0719	CỤC XỔ 1C	1 100	222	878	RÓT DỖ	TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						13 197		13 197			
1	KDT MIỀN BẮC	10/4	971/4	20/4	HP 6816	CÁM 5B.1	2 590		2 590		PTCB	
2	KDT MIỀN BẮC	18/4	1053/4	30/4	HẢI ĐĂNG 666	CÁM 5A.1	3 800		3 800		PTCB	
3	XDCN MÔ	13/4	999/4	20/4	HP 6328	CỤC XỔ 1C	1 967		1 967		TD	
4	VTA	15/4	936/4	22/4	BN 1883	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIÀ HẠN L1
5	TNV HẢI DƯƠNG	15/4	1035/4	22/4	BN 1368	CỤC XỔ 1C	1 090		1 090		TD	
6	CẦU ĐUÔNG	18/4	1054/4	25/4	HP 5097	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
7	CATALAN	20/4	1067/4	27/4	BN 2678	CỤC 5A.1	1 550		1 550		TD	
	<i>Tàu chuyển tải</i>						162 800	25 231	137 569			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						19 900	19 839	61			
1	ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/4	246/4		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 5B.14	19 900	19 839	61	20/4	HỘ LỚN	TTHG: 9.557,19 - KDTCP: 10.282,07
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						71 700	25 231	46 469			
1	ĐIỆN VINH TÂN 1	17/4	258/4		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600	5 392	20 208	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.600
2	ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/4	260/4		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 5A.10	26 200	2 000	24 200	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 16.000 - KVDB: 10.200
	<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						169 250		169 250			
1	ĐIỆN VINH TÂN 2	13/4	253/4		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	42 000		42 000		HỘ LỚN	TTCO: 27.000 - CLM: 10.000 - KDTCP: 5.000
2	ĐIỆN VŨNG ÁNG	16/4	256/4		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN	TTCO: 15.800 - CLM: 7.000
3	ĐIỆN DUYÊN HẢI	17/4	259/4		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 10.300 - CLM: 16.000
4	ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/4	264/4		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 16.300 - KDTCP: 10.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	20/4	263/4		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 700		27 700		HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVCP: 8.700
6	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	20/4	266/4		GOLDEN STAR	CÁM 6A.1	24 150		24 150		HỘ LỚN	TTHG: 19.000 - KVCP: 5.150
II	KHO G9-HÓA CHẤT						38 797	7 483	31 314			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>7 150</i>	<i>7 066</i>	<i>84</i>			
1	KDT HÀ BẮC	16/4	1040/4	26/4	BN 2556	CÁM 4A.1	1 650	1 639	11	20/4	PTCB	NGUỒN CS
2	KDT CẦU ĐUÔNG	19/4	1059/4	26/4	PT 2698	CÁM 4A.1/CS	1 300	1 263	37	20/4	TD	NGUỒN CS
3	MV POSPTANAMAX 1	17/4	1 904		CỬA ÔNG 19	TNK (ỨC)	2 100	2 075	25	20/4		
4	MV POSPTANAMAX 1	18/4	1 916		CỬA ÔNG 15	TNK (ỨC)	2 100	2 089	11	20/4		
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>5 081</i>	<i>417</i>	<i>4 664</i>			
1	XDCN MÔ	15/4	1027/4	22/4	HD 1818	CÁM 8A	1 981	417	1 564	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2	V TRACO	15/4	930/04	22/4	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	MV POSPTANAMAX 1	18/4	1 916		CỬA ÔNG 14	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>26 566</i>		<i>26 566</i>			
1	ĐT TM & DV	15/4	941/04	22/4	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	940		940		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2	ĐT TM & DV	15/4	941/04	22/4	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	1 000		1 000		PTCB	NGUỒN TN
3	VTT	16/4	962/4	23/4	NGÂN SƠN 39	CỤC 1B	2 050		2 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	COALIMEX	14/4	1018/4	21/4	BN 2009	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	THAN MIỀN TRUNG	14/4	1019/4	21/4	TRUNG KIẾN 01	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	ĐTTM&DV	14/4	1020/4	21/4	BN 0869	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	DVVT QN	15/4	1030/4	22/4	BN 1718	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN TTCO
8	ĐTTM&DV	15/4	931/04	22/4	BN 2388	CỤC 1A	1 350		1 350		TD	NGUỒN ĐN-CS
9	ĐT TM & DV	15/4	943/04	22/4	BN 1997	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	XNK THAN	15/4	944/04	22/4	BN 1135	CỤC 1B	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
11	VT QUẢNG NINH	15/4	945/04	22/4	BN 0718	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS
12	ĐT TM & DV	15/4	946/04	22/4	BN 1386	CỤC 1B	1 166		1 166		TD	NGUỒN ĐN-CS
13	ĐT TM & DV	19/4	1060/4	26/4	BN 2335	CỤC 1A	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
14	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 930		CỬA ÔNG 19	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
15	MV GOLDEN FUTURE	19/4	1 939		SƠN HẢI 07	TNK (ỨC)	3 420		3 420			
16	MV GOLDEN FUTURE	20/4	1 966		CỬA ÔNG 16	TNK (ỨC)	2 100		2 100			
17	MV POSPTANAMAX 1	16/4	1 928		CẨM PHẢ 21	TNK (ỨC)	3 880		3 880			
III	KHO BẢO NGUYỄN						6 510	4 719	1 791			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>4 720</i>	<i>4 719</i>	<i>1</i>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 4 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	11/4	249/4	26/4	HN 2269	CÁM 5B.10	4 720	4 719	1	20/4	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
							1 790		1 790			
1	ĐIỆN PHẢ LẠI	20/4	265/4	30/4	QN 5634	CÁM 5A.10	1 790		1 790		HỘ LỚN	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV	KHO CẢNG KM6						16 710	7 906	8 804			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
							5 890	5 880	10			
1	COALIMEX	19/4	1 056	30/4	THANH BÌNH 05	CÁM 6B.1	3 050	3 047	3	20/4	PTCB	
2	COALIMEX	19/4	1 061	30/4	VINACOMIN 030-03	CÁM 5B.1	2 840	2 833	7	20/4	PTCB	
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
							10 820	2 026	8 794			
1	KDT BẮC TRUNG BỘ	20/4	1 064	30/4	HÙNG DŨNG 10	CÁM 6A.1	3 120	2 026	1 094	RÓT ĐÓ	PTCB	
2	KDT BẮC TRUNG BỘ	20/4	1 065	30/4	TẤN PHÚC 01	CÁM 6B.1	3 250		3 250		PTCB	
3	CROMIT	20/4	1 066	30/4	HÙNG KHÁNH 616	CÁM 6A.1	3 200		3 200		PTCB	
4	ĐTTM&DV	17/4	1 042	24/4	BN 0679	CỤC 1B	1 250		1 250		TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
V	TÀU XUẤT KHẨU						68 600	22 653	49 705			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
							5 100	5 029	71			
1	THÁI LAN	14/4	34/4/XK		MV VS SUNSHINE	CÁM 1	5 100	5029,0	71	20/4		
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
							57 500	17 624	43 634			
1	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 2B.2	20 000	3 758	20 000	RÓT ĐÓ		
2	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4A.3	10 000	4 735	5 265	RÓT ĐÓ		
3	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 4B.3	10 000		10 000			
4	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CỤC 5A.1	7 500	5 000	2 500	RÓT ĐÓ		
5	BỈ	15/4	31-B/4/XK		MV ZHENG ZHI	CÁM 1	10 000	4 131	5 869	RÓT ĐÓ		
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
							6 000		6 000			
1	THÁI LAN	16/4	35/4/XK		MV HOANG TRIEU 69	CỤC 4B.3	6 000		6 000			
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				55 000	31 100	23 900			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
							55 000	31 100	23 900			
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
							55 000	31 100	23 900			
1	ỨC		CLM		MV GOLDEN FUTURE		45 000	21 100	23 900	BỐC ĐÓ		TTCO: 30.000 - KVCP: 15.000
2	ỨC		CLM		MV MP POSTP ANAMAX 1		10 000	10 000		BỐC ĐÓ		KVCP:10.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											